

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện công tác dân tộc năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2023

Thực hiện Công văn số 1943/UBND-TH ngày 10/11/2022 của Ủy ban Dân tộc về việc báo cáo tổng kết công tác dân tộc, thực hiện chính sách dân tộc năm 2022, nhiệm vụ trọng tâm năm 2023; Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk báo cáo như sau:

I. CÔNG TÁC QUẢN LÝ, CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH

1. Công tác chỉ đạo điều hành

Triển khai thực hiện Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Ủy ban Dân tộc và các Bộ, ngành Trung ương; Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo các cấp, các ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng và triển khai kế hoạch, chỉ đạo điều hành thực hiện các chương trình, dự án, chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước; đảm bảo an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa các DTTS; nêu cao và khơi dậy tinh thần đại đoàn kết trong vùng DTTS.

Các chương trình, đề án, dự án, chính sách được thực hiện trên địa bàn toàn tỉnh ở trên tất cả các lĩnh vực như: Giáo dục và Đào tạo; Y tế và chăm sóc sức khỏe; Văn hóa, thể thao, du lịch; Nông nghiệp và PTNT; Lao động việc làm; Xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng nông thôn mới... đã được các cấp, các ngành quan tâm chỉ đạo thực hiện đồng bộ. Do đó, hầu hết các chương trình, chính sách dân tộc đều được triển khai thực hiện công khai, minh bạch, đúng mục tiêu, đúng địa bàn, đúng đối tượng, phát huy hiệu quả, góp phần vào phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS của tỉnh.

2. Sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh đối với công tác dân tộc

Để triển khai thực hiện hiệu quả công tác dân tộc, tỉnh Đắk Lắk đã ban hành nhiều văn bản quy định, hướng dẫn cụ thể đối với từng nội dung, từng chính sách cụ thể: Kế hoạch số 79/KH-UBND ngày 12/04/2022 thực hiện Chương trình Truyền thông về bình đẳng giới vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đến năm 2030, giai đoạn I: từ năm 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 119/KH-UBND ngày 07/06/2022 về việc triển khai thực hiện Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045; Kế hoạch số 1717/QĐ-UBND ngày 03/8/2022 về thực hiện Đề án “Hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới vùng dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk” năm 2022.

UBND tỉnh đã chỉ đạo các Sở, ban, ngành theo dõi, tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện các chương trình, dự án, chính sách dân tộc do đơn vị mình quản lý;

tham mưu, đề xuất các chủ trương, biện pháp để giải quyết các vấn đề như thiếu đất, tranh chấp đất đai, xóa đói giảm nghèo, định canh định cư, di cư đối với đồng bào DTTS...

3. Đánh giá kết quả hoạt động của cơ quan công tác dân tộc

Tổ chức bộ máy nhân sự: Thực hiện Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Nghị định 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ; Thông tư 01/2021/TT-UBND ngày 01/11/2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về công tác dân tộc thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp huyện. Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 695/QĐ-UBND ngày 29/3/2021 về việc sắp xếp, tổ chức lại cơ cấu tổ chức của Ban Dân tộc; Quyết định số 13/2022/QĐ-UBND ngày 08/3/2022, Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Dân tộc tỉnh.

Thực hiện Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ, Ủy ban nhân dân các huyện cũng đã ban hành Quyết định về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Dân tộc. Hiện nay, có 13 phòng dân tộc cấp huyện và Văn phòng HĐND-UBND (Thị xã Buôn Hồ, Thành phố Buôn Ma Thuột) thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác dân tộc cấp huyện với tổng số 64 biên chế.

Nhìn chung, trong năm 2022, tình hình kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) và miền núi tương đối ổn định; an ninh, chính trị và trật tự an toàn xã hội cơ bản được giữ vững; Nhân dân tin tưởng vào sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, sự quản lý điều hành của chính quyền và hoạt động của hệ thống chính trị, phấn khởi với sự hỗ trợ của Đảng, Nhà nước đối với các đối tượng chính sách, đồng bào DTTS, hộ nghèo, người có uy tín. UBND tỉnh đã chỉ đạo cơ quan công tác dân tộc hoàn thành các báo cáo theo yêu cầu của Bộ, ngành trung ương¹.

- Tổ chức làm việc với Đoàn công tác của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban

¹ Báo cáo số 114/BC-UBND ngày 18/5/2022 về kết quả rà soát, xác định thôn buôn đặc biệt khó khăn đối với các thôn buôn đã chia tách, sáp nhập, giải thể hoặc đổi tên trên địa bàn tỉnh; Báo cáo kết quả rà soát các đối tượng thụ hưởng an phẩm báo, tạp chí năm 2022 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Báo cáo về việc triển khai thực hiện Quyết định số 1409/QĐ-TTg ngày 15/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ; Báo cáo tình hình đời sống nhân dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số sau Tết Nguyên đán năm 2022; Báo cáo kết quả và dự thảo góp ý kiến dự thảo Tiêu chí lựa chọn đại biểu dự “Lễ Tuyên dương người có uy tín, nhân sỹ trí thức, doanh nhân tiêu biểu trong đồng bào dân tộc thiểu số toàn quốc lần thứ II”; Báo cáo Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa XI; Báo cáo Tổng kết, đánh giá việc thực hiện chính sách liên quan đến phân định miền núi, vùng cao; Góp ý Kế hoạch truyền thông về Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 gửi Ủy ban Dân tộc; Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022; Báo cáo tình hình KTXH, tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS và MN năm 2022, dự kiến kế hoạch năm 2023; Cung cấp thông tin chuẩn bị tổ chức Diễn đàn hợp tác thực hiện Đề án Tổng thể hỗ trợ phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Báo cáo Tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW của BCH Trung ương Đảng khóa IX; Báo cáo 5 năm thực hiện Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15/6/2016 của Chính phủ về đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2030.

Dân tộc về kết quả thực hiện công tác dân tộc 4 tháng đầu năm 2022 và tình hình triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025; Đoàn công tác của đồng chí Hoàng Thị Hạnh - Thứ trưởng, Phó Chủ nhiệm UBĐT về kiểm tra thực hiện chính sách dân tộc 6 tháng đầu năm 2022, kết quả thực hiện chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2011 - 2021; Đoàn công tác của đồng chí Y Vinh Tor - Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng, Thứ trưởng, Phó Chủ nhiệm UBĐT về nắm tình hình dân tộc, công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Từ đầu năm 2022 đến nay trên địa bàn tỉnh có 40 trường hợp hộ đồng bào DTTS gặp khó khăn cần được thăm hỏi, động viên². Các trường hợp nêu trên đều được Ban Dân tộc kịp thời báo cáo Vụ công tác dân tộc địa phương bộ phận phụ trách khu vực Miền Trung - Tây Nguyên có kế hoạch tổ chức thăm hỏi, động viên...

II. TÌNH HÌNH VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI

Hiện nay, tỉnh Đắk Lắk là địa phương có 49 dân tộc cùng sinh sống, trong đó dân tộc tại chỗ hơn 667 nghìn người, chiếm 35,7% dân số toàn tỉnh được phân bố rải rác ở đều khắp 184/184 xã, phường, thị trấn của tỉnh.

Giai đoạn 2021 - 2025, toàn tỉnh có 130 xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, trong đó có 54 xã khu vực III, 5 xã khu vực II, 71 xã khu vực I; 519 thôn, buôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; sau khi chia tách, sáp nhập, giải thể hoặc đổi tên thôn, buôn theo các Nghị quyết của HĐND tỉnh, dự kiến toàn tỉnh còn 472 thôn, buôn đặc biệt khó khăn. Tỷ lệ hộ nghèo năm 2021 theo chuẩn nghèo giai đoạn 2022 - 2025: Toàn tỉnh có 63.642 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ hơn 12,79%, trong đó, hộ nghèo dân tộc thiểu số có 41.515 hộ, chiếm tỷ lệ 65,23% tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh.

1. Về kinh tế - xã hội

Trong năm 2022, tình hình kinh tế - xã hội được duy trì phát triển, cụ thể:

- Tổng sản phẩm xã hội (GRDP - theo giá so sánh 2010) ước đạt 58.355 tỷ đồng, bằng 103,65% KH, tăng 8,94% so với cùng kỳ năm 2021 (KH: 56.299 tỷ đồng, tăng 7,27%)³. Trong đó:

- Nông, lâm, thủy sản ước đạt 21.217 tỷ đồng, bằng 103,8% KH, tăng 5,66% (KH: 20.443 tỷ đồng, tăng 4,56%).

- Công nghiệp - xây dựng ước đạt 9.499 tỷ đồng, bằng 104,66% KH, tăng 13,64% (KH: 9.076 tỷ đồng, tăng 13,46%).

² Gồm có 04 trường hợp bị hỏa hoạn cháy nhà; 01 trường hợp bị thiệt hại nặng về nhà cửa do thiên tai; 01 trường hợp hộ đồng bào có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn mắc bệnh hiểm nghèo; 25 trường hợp người đồng bào DTTS bị tử vong do đuối nước (đa số là trẻ em); 03 trường hợp do tai nạn lao động (01 trường hợp tử vong, 02 trường hợp tàn tật dẫn đến mất sức lao động); 03 trường hợp do tai nạn giao thông (02 trường hợp tử vong, 01 trường hợp tàn tật dẫn đến mất sức lao động); 02 trường hợp bị tử vong do tai nạn rui ro; 01 trường hợp tử vong do điện giật

³ Số liệu do Tổng cục Thống kê thông báo tại Công văn số 2030/TCTK-TKQG ngày 30/11/2022.

- Dịch vụ ước đạt 25.123 tỷ đồng, bằng 103,82% KH tăng 10,56% (KH: 24.198 tỷ đồng, tăng 7,37%).

- Thuế sản phẩm (trừ trợ cấp sản phẩm) ước đạt 2.516 tỷ đồng, bằng 97,46% KH, tăng 4,68% (KH: 2.581 tỷ đồng, tăng 7,87%).

* Cơ cấu kinh tế (giá hiện hành): Nông, lâm, thủy sản chiếm 36,87%; công nghiệp - xây dựng chiếm 16,48%; dịch vụ chiếm 42,36%; thuế sản phẩm (trừ trợ cấp sản phẩm) chiếm 4,29% (KH lần lượt là: 36,21% - 17,5% - 41,74% - 4,54%).

- GRDP đầu người (theo giá hiện hành) ước đạt 56,7 triệu đồng/người (KH: 55 triệu đồng/người).

- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội ước đạt 35.738 tỷ đồng, bằng 109% KH (KH: 32.800 tỷ đồng).

- Tổng kim ngạch xuất khẩu ước đạt 1.500 triệu USD, bằng 125% KH, tăng 30,32% so với cùng kỳ năm 2021 (KH: 1.200 triệu USD).

- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn ước đạt 93.000 tỷ đồng, bằng 102,76% KH, tăng 8,3% so với cùng kỳ năm 2021 (KH: 90.500 tỷ đồng).

- Tổng thu cân đối ngân sách nhà nước trên địa bàn ước đạt 9.152 tỷ đồng, bằng 111,6% KH HĐND tỉnh giao và bằng 137,25% dự toán Trung ương giao, tăng 11,53% so với năm 2021 (KH HĐND tỉnh giao: 8.200 tỷ đồng; TW giao: 6.668 tỷ đồng). Trong đó thu biện pháp tài chính ước đạt 3.341 tỷ đồng, bằng 119,6% KH, tăng 91,4% so với cùng kỳ (KH: 2.795 tỷ đồng)⁴.

- Phát triển hạ tầng: Thủy lợi bảo đảm tưới chủ động cho trên 83,28% diện tích cây trồng có nhu cầu tưới (KH: 83,28%). Cải tạo, nâng cấp nhựa hoặc bê tông hóa 96,01% các tuyến đường tỉnh, 93,42% các tuyến đường huyện, 67,96% các tuyến đường xã và liên xã (KH lần lượt là: 96,01% - 93,42% - 67,96%). Riêng chỉ tiêu Tỷ lệ đô thị hóa sẽ báo cáo vào cuối năm 2025, vì chỉ tiêu này đánh giá kết quả thực hiện cả giai đoạn 5 năm 2021-2025 (theo báo cáo số 250/BC-UBND ngày 15/9/2020 của UBND tỉnh).

- Phát triển doanh nghiệp (DN): Đến cuối năm 2022, ước có 1.500 DN thành lập mới, bằng 100% KH, tăng 42,72% so với năm 2021 (KH: 1.500 DN thành lập mới). Lũy kế đến 31/12/2022, trên địa bàn tỉnh có 12.075 DN đang hoạt động, trong đó có 11.100 DN và 975 DN tỉnh ngoài đăng ký thành lập, hoạt động hình thức Chi nhánh tại tỉnh. Có 72 HTX và 01 Liên hiệp HTX thành lập mới, bằng 146% KH, tăng 37,74% so với năm 2021 (KH: 50 HTX thành lập mới).

- Tỷ lệ hộ nghèo giảm 1,75% (KH: 1,5-2,0%), trong đó tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số giảm 3,5% (KH: 3-4%). Giảm tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị còn 2,5% (KH: 2,5%).

⁴ Cấp tỉnh ước thực hiện 983/1.373 tỷ đồng, bằng 71,6% KH; cấp huyện đã thực hiện được 2.002,8/1.127 tỷ đồng, bằng 177% KH.

- Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng số lao động tham gia hoạt động kinh tế chiếm 59% (KH: 59%); tỷ lệ lao động được đào tạo so với tổng số lao động ước đạt 62% (KH: 62%), trong đó tỷ lệ có bằng cấp, chứng chỉ ước đạt 20,89% (KH: 20,89%). Giải quyết việc làm cho 41.250 lao động, bằng 103,13% KH, tăng 39,83% so với năm 2021 (KH: 40.000 lao động), trong đó xuất khẩu lao động ước đạt 1.586 người, bằng 105,73% KH, tăng 296,5% so với năm 2021 (KH: 1.500 người).

Đến cuối năm 2022 lũy kế có 79/152 xã đạt chuẩn nông thôn mới, đạt tỷ lệ 52%, tăng 08 xã so với năm 2021 (KH: 52%); 01 đơn vị cấp huyện hoàn thành Chương trình xây dựng nông thôn mới (KH: 02 đơn vị); có 62 xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới (KH: 57 xã), 86% gia đình được công nhận gia đình văn hóa (KH: 83,5%), 85% thôn, buôn, tổ dân phố được công nhận thôn, buôn, tổ dân phố văn hóa (KH: 82,5%), 92% cơ quan, đơn vị doanh nghiệp được công nhận đạt chuẩn văn hóa (KH: 93%); tỷ lệ người tham gia tập luyện TDTT thường xuyên đạt 32,4% (KH: 32,4%); tỷ lệ gia đình luyện tập TDTT thường xuyên đạt 19,2% (KH: 19,2%); tỷ lệ trường học đảm bảo rèn luyện giáo dục thể chất đạt 100% (KH: 100%).

2. Về Giáo dục và Đào tạo

Ngành giáo dục và đào tạo thực hiện đồng bộ các giải pháp để nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo và các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19 trong tổ chức dạy học trực tiếp, đảm bảo thích ứng, an toàn, linh hoạt trong tình hình mới theo quy định (ngày 18/4/2022, 100% cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh đã tổ chức dạy học trực tiếp), ban hành Tiêu chí lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh, thành lập các Hội đồng lựa chọn sách giáo khoa đối với cấp Tiểu học và THCS năm học 2021 - 2022; Tổ chức Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022 an toàn, nghiêm túc (tỷ lệ thí sinh đậu tốt nghiệp sau phúc khảo đạt 96,83%); Tổ chức khai giảng năm học mới đảm bảo đúng thời gian quy định, trang nghiêm, ngắn gọn, an toàn. Triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình “Sóng và máy tính cho em”, đợt 1 đã bàn giao kinh phí vận động được để hỗ trợ cho học sinh khó khăn có thiết bị học trực tuyến với tổng số tiền hỗ trợ trên 05 tỷ đồng và tập trung thực hiện nguồn hỗ trợ của Trung ương hỗ trợ để sớm cung cấp thiết bị hỗ trợ học sinh học tập. Tổ chức kiểm định, công nhận và công nhận lại trường đạt chuẩn quốc gia; lũy kế tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đến cuối năm 2022 là 56% (KH: 56%); Tỷ lệ trẻ nhà trẻ người DTTS ra lớp đạt 6,5%; tỷ lệ trẻ mẫu giáo người DTTS ra lớp đạt 82,4%. Đối với chỉ tiêu cử tuyển năm 2022 tỉnh Đắk Lắk không đăng ký chế độ cử tuyển.

3. Về Y tế

Ngành y tế chỉ đạo tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe người dân trong tình hình mới; chủ động có phương án phòng, chống dịch bệnh kịp thời, hiệu quả, đặc biệt là phòng, chống dịch COVID-19 trên địa bàn; chỉ đạo các cơ sở y tế nâng cao chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh, phát triển y tế chuyên sâu, y tế ngoài công lập; củng cố, bố trí nhân lực phù hợp với trình độ chuyên môn; thực hiện các giải pháp khắc phục tình trạng thiếu thuốc, thiết bị, vật

tư y tế tại các cơ sở y tế, phối hợp tham gia công tác đấu thầu thuốc năm 2022. Tăng cường kiểm tra, giám sát chất lượng thuốc, mỹ phẩm, vật tư y tế, kiểm tra hành nghề y, dược tại các cơ sở và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm trên địa bàn⁵. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng (cân nặng theo độ tuổi) giảm còn 18% (KH: 18%), số giường bệnh/vạn dân đạt 28 giường/vạn dân (KH: 28 giường/vạn dân), số bác sỹ/vạn dân đạt 7,15 bác sỹ/vạn dân (KH: 7,15 bác sỹ/vạn dân). Tỷ lệ bao phủ BHYT đạt 91,75% (KH: >91%).

Trong năm 2022, các cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn đã khám 2.332.417 lượt, điều trị nội trú cho 259.525 lượt, điều trị ngoại trú cho 38.569 lượt. Các hoạt động y tế dự phòng được thực hiện hiệu quả, dịch bệnh COVID-19 cơ bản được kiểm soát trên địa bàn, các bệnh truyền nhiễm khác cơ bản ổn định. Tuy nhiên dịch sốt xuất huyết có xu hướng tăng mạnh trên địa bàn và ngành Y tế cảnh báo năm 2022 là năm đỉnh dịch của tỉnh (từ đầu năm đến nay có 8.465 trường hợp mắc, trong đó tử vong 10 trường hợp).

4. Về Quốc phòng - An ninh và trật tự an toàn xã hội

Tình hình an ninh, chính trị và trật tự an toàn xã hội cơ bản được giữ vững. Tuy nhiên, nổi lên một số vấn đề đáng chú ý liên quan đến an ninh dân tộc, tôn giáo trong vùng đồng bào DTTS.

- An ninh dân tộc: Nổi lên là hoạt động của một số đối tượng tham gia tập huấn nhân quyền do các nhóm, tổ chức, đối tượng phản động, lưu vong tổ chức gồm một số đối tượng; thu thập, cung cấp thông tin, tình hình liên quan đến dân tộc, tôn giáo cho các tổ chức phản động lưu vong; gặp gỡ nhân viên cơ quan ngoại giao nước ngoài để xuyên tạc, vu cáo. Tình hình người DTTS vượt biên trái phép bằng con đường xuất cảnh công khai sang Thái Lan, sau đó trốn ở lại, xảy ra 02 vụ gồm 01 hộ/06 khẩu và 02 trường hợp riêng lẻ (*giảm 01 vụ, 02 trường hợp so với năm 2021*).

- An ninh tôn giáo: Cơ bản ổn định, hoạt động vi phạm pháp luật về tôn giáo và các vụ việc phức tạp về tôn giáo giảm, tuy nhiên vẫn còn một số vụ việc khiếu kiện, kiến nghị nhà, đất liên quan đến tôn giáo chưa được giải quyết triệt để; hoạt động tà đạo, đạo lạ có chiều hướng gia tăng phức tạp, nhất là “Pháp luân công”

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC DÂN TỘC NĂM 2022

1. Kết quả thực hiện các chương trình, chính sách dân tộc do Ban Dân tộc chủ trì triển khai thực hiện

1.1 Chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh

Hiện nay, tổng số người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh là 942 người. Kinh phí phân bổ thực hiện các chính sách cho người có uy tín năm 2022 là 1.810 triệu đồng⁽⁶⁾.

⁵ Năm 2022, xảy ra 03 vụ ngộ độc thực phẩm với 18 người mắc, 10 người nhập viện điều trị, không có trường hợp tử vong. So với cùng kỳ năm 2021: giảm 05 vụ, giảm 109 người mắc và không có trường hợp tử vong.

1.2. Dự án “Đẩy mạnh công tác tuyên truyền phòng, chống tội phạm về ma túy vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2022 - 2025”.

Ban Dân tộc đã ban hành Ban hành Kế hoạch số 79/KH-BDT ngày 09/02/2022 về triển khai thực hiện Dự án đẩy mạnh công tác tuyên truyền phòng, chống tội phạm về ma túy vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh năm 2022: Sản xuất phim phóng sự truyền hình “Cảnh báo ma túy lây lan vào buôn làng” bằng 02 tiếng: Tiếng Việt, Ê đê phát sóng trên Chuyên mục ANTT, Chuyên mục Truyền hình tiếng Ê đê của Đài Phát thanh - Truyền hình Đắk Lắk và đăng tải trên Kênh YouTube ANTT Đắk Lắk; tuyên truyền trên báo Đắk Lắk và báo Dân tộc Phát triển; tổ chức 06 hội nghị tập huấn, bồi dưỡng với 546 học viên tham dự; cấp phát 600 tờ rơi, thực hiện khảo sát, thống kê thực trạng thông qua hoạt động phỏng vấn 278 người dân sinh sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kinh phí thực hiện là 283 triệu đồng.

1.3. Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, hỗ trợ đồng bào DTTS phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng DTTS trên địa bàn tỉnh” theo Quyết định số 414/QĐ-TTg ngày 12/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ

Đã tổ chức 01 lớp tập huấn Đề án tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số phát triển kinh tế xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS, với 210 người tham dự. Kinh phí ước thực hiện là 30 triệu đồng.

1.4. Thực hiện Đề án "Đẩy mạnh công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào vùng dân tộc thiểu số và miền núi"

Đã tổ chức 01 Hội nghị Tổng kết công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào vùng dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2017 - 2021, với số lượng đại biểu tham dự là 40 người. Kinh phí ước thực hiện 27 triệu đồng.

1.5. Thực hiện Đề án "Hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới vùng DTTS giai đoạn 2018-2025" theo Quyết định số 1898/QĐ-TTg ngày 28/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

Đã tổ chức 06 hội nghị tập huấn bồi dưỡng kiến thức chuyên đề “Bình đẳng giới trong pháp luật Việt Nam” tại các huyện: M'Drắk, Lắk, Cư Kuin, Buôn Đôn, Krông Búk và thị xã Buôn Hồ với 520 học viên tham dự

⁶ Thực hiện chế độ cung cấp thông tin: Tổ chức 04 hội nghị tập huấn cho 338 người của các huyện với kinh phí là 630 triệu đồng; Tổ chức đoàn người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số của tỉnh đi giao lưu, học tập kinh nghiệm ngoài tỉnh tại một số tỉnh miền Trung và Đông Nam với tổng số người có uy tín tham gia đoàn là 33 người; Thực hiện chế độ hỗ trợ vật chất, động viên tinh thần: Trong năm 2022 trên địa bàn tỉnh có 29 trường hợp người có uy tín ốm đau, qua đời và thân nhân NCUT qua đời (trong đó: 10 trường hợp người có uy tín qua đời; 11 trường hợp người có uy tín ốm đau; 12 trường hợp người có uy tín thân nhân NCUT qua đời); Thực hiện đón tiếp, tặng quà cho 12 đoàn đại biểu người có uy tín các tỉnh đến học tập, trao đổi kinh nghiệm tại tỉnh; thực hiện cấp Báo Dân tộc & Phát triển và báo Đắk Lắk: cung cấp 02 loại Báo Dân tộc & Phát triển và báo Đắk Lắk với số lượng cấp là 109.566 tờ, kinh phí 697.100.000 đồng.

1.6. Công tác tuyên truyền phòng, chống COVID-19 trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số

Ban Dân tộc đã ban hành Kế hoạch số 406/KH-BDT ngày 03/6/2022 về việc Thông tin, tuyên truyền phòng, chống dịch COVID-19 và phát triển kinh tế - xã hội theo Kế hoạch số 08/KH/BCĐ ngày 10/5/2022 của Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch COVID-19 trong đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh năm 2022. Triển khai thực hiện kế hoạch, Ban Dân tộc đã ký kết Hợp đồng với Đài Tiếng nói Việt Nam khu vực Tây nguyên và Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh sản xuất và phát sóng các chương trình phát thanh tuyên truyền phòng, chống dịch COVID-19 trong đồng bào dân tộc thiểu số. Kinh phí ước thực hiện là 540 triệu đồng.

2. Kết quả thực hiện một số chương trình, chính sách khác do các sở, ngành quản lý

2.1. Chính sách đầu tư và sử dụng nguồn lực

Năm 2022, trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk đã huy động được 14 tổ chức nước ngoài có hoạt động đầu tư, hỗ trợ cho phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi cho 24 công trình, dự án, với tổng số vốn là 99.674 triệu đồng; trong đó: vốn viện trợ là 93.006 triệu đồng; vốn đối ứng ngân sách địa phương là 6.668 triệu đồng.

Các khoản viện trợ đều tập trung vào các lĩnh vực ưu tiên vận động viện trợ của tỉnh như: Cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất và đời sống, giáo dục, chăm sóc sức khỏe nhân dân và bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc đã phần nào giải quyết khó khăn cho chính quyền, người dân trong vùng dự án, góp phần hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của địa phương, giảm nghèo nhanh và bền vững, thu hẹp khoảng cách giữa các vùng, các dân tộc.

- Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp về giảm nghèo bền vững như: Chính sách tín dụng ưu đãi; hỗ trợ khuyến nông, lâm và phát triển thủy sản; hỗ trợ học nghề; cấp thẻ bảo hiểm y tế cho người nghèo, cận nghèo và các đối tượng được ngân sách hỗ trợ; hỗ trợ học phí, chi phí học tập, hỗ trợ gạo, hỗ trợ tiền ăn, tiền nhà ở... cho học sinh, sinh viên nghèo⁷.

Ước tính năm 2022, toàn tỉnh giải quyết việc làm cho khoảng 41.250 người (trong đó, người dân tộc thiểu số khoảng 13.200 người); số lao động được các công ty tư vấn, tuyển dụng khoảng 1.586 người, trong đó số người xuất cảnh đi làm việc

⁷ Chính sách tín dụng ưu đãi: Đã giải quyết cho vay đối với 31.506 lượt hộ nghèo và các đối tượng chính sách, với doanh số cho vay là 1.208.274 triệu đồng (trong đó, có vay ưu đãi hộ nghèo là 7.831 hộ, với doanh số 362.630 triệu đồng); doanh số thu nợ 790.486 triệu đồng; tổng dư nợ đạt 6.040.533 triệu đồng, số khách hàng dư nợ 194.066 hộ (trong đó, dư nợ hộ nghèo là 1.421.398 triệu đồng, với 38.799 hộ), nợ quá hạn: 3.465 triệu đồng, chiếm 0,06% so với tổng dư nợ; Hỗ trợ khuyến nông, lâm và phát triển thủy sản: Đã tổ chức tập huấn khuyến nông viên mới cho các học viên thuộc hộ nghèo, hộ DTTS tham dự; thực hiện được các mô hình, dự án khuyến nông thuộc lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản; số hộ nghèo được hỗ trợ là 448 hộ với kinh phí là 645 triệu đồng; Hỗ trợ về y tế: Toàn tỉnh đã cấp 810.888 thẻ bảo hiểm y tế cho người nghèo, cận nghèo và các đối tượng được ngân sách hỗ trợ do ngành Lao động - Thương và Xã hội quản lý (trong đó có 98.041 người nghèo), với số tiền là 328.121 triệu đồng. Số người nghèo, cận nghèo và các đối tượng được khám chữa bệnh bằng thẻ bảo hiểm y tế là 381.439 lượt người (trong đó có 45.813 người nghèo), với số tiền 235.453 triệu đồng.

ở nước ngoài khoảng 1.300 người, số còn lại đang đào tạo, học giáo dục định hướng tại các doanh nghiệp chờ xuất cảnh; Tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị khoảng 2,5%; Tỷ lệ lao động làm việc trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp khoảng 59%. Đạt chỉ tiêu, kế hoạch đề ra.

- Cùng với ngân sách nhà nước, đã đẩy mạnh xã hội hóa công tác trợ giúp xã hội, huy động nhiều nguồn lực trợ giúp những người thiệt thòi, yếu thế, tạo điều kiện để các đối tượng tự khắc phục khó khăn, vươn lên hoà nhập cộng đồng; tổ chức tốt công tác trợ giúp đối tượng tại cộng đồng; bảo đảm người dân bị thiệt hại do thiên tai, lũ lụt, thiếu đói, dịch bệnh được trợ giúp đột xuất kịp thời, không để người dân nào bị đói; đại đa số đối tượng bảo trợ xã hội đủ điều kiện được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng.

2.2. Chính sách đầu tư và phát triển bền vững

a) Chính sách cho hộ nghèo DTTS vay vốn

Tổng dư nợ các chương trình tín dụng chính sách thực hiện đến 23/11/2022: 6.247.698 triệu đồng, tăng 623.414 triệu đồng, tỷ lệ tăng trưởng 11,08%, với 160.868 khách hàng còn dư nợ; nợ quá hạn 4.223 triệu đồng, chiếm tỷ lệ: 0,07%; nợ khoanh 5.316 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 0,09%.

Dư nợ các chương trình cho vay đối với dân tộc thiểu số: 2.303.018 triệu đồng, với 71.335 hộ còn dư nợ; nợ quá hạn 787 triệu đồng, chiếm tỷ lệ: 0,034%; nợ khoanh 1.206 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 0,053%. Cụ thể một số chương trình có dư nợ lớn⁸. Các chương trình tín dụng chính sách đã góp phần giúp hộ dân ý thức được việc tập trung sức lao động, đầu tư vốn vào sản xuất để làm ra sản phẩm, nâng dần mức sống. Hộ vay đã biết tích lũy, dành tiền tiết kiệm để trả nợ Ngân hàng khi đến hạn; lồng ghép với công tác khuyến nông, khuyến lâm, chuyển đổi cây trồng vật nuôi để tăng năng suất, tăng thu nhập cho người nghèo và các đối tượng chính sách khác, nhằm thực hiện tốt mục tiêu giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới tại địa phương; thông qua hoạt động tín dụng chính sách xã hội đã giúp cho chính quyền các cấp gần dân hơn, sát dân hơn; giúp cho các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác vay vốn với NHCSXH tập hợp được đoàn viên, hội viên. Qua đó đã giúp nhiều mô hình dự án sản xuất, kinh doanh mang lại hiệu quả kinh tế cao và góp phần quan trọng trong công tác giảm nghèo của địa phương.

b) Công tác Khuyến nông, khuyến ngư

Trong năm 2022, tiếp tục duy trì hoạt động của Trang thông tin điện tử để đưa tin về hoạt động khuyến nông, giới thiệu các mô hình có hiệu quả, tuyên

⁸ Chương trình hộ nghèo (theo Nghị định 78/2002/NĐ-CP): dư nợ: 763.284 triệu đồng; số hộ dư nợ: 20.812 hộ; Chương trình cho vay hộ cận nghèo (Quyết định số 15/QĐ-TTg): dư nợ: 484.731 triệu đồng, số hộ dư nợ 12.951 hộ; Chương trình hộ mới thoát nghèo: dư nợ 282.170 triệu đồng; số hộ dư nợ 7.670 hộ; Chương trình Hộ nghèo về nhà ở (theo Quyết định 167/2007/QĐ-TTg và Quyết định số 33/QĐ-TTg) 108.592 triệu đồng, số hộ dư nợ: 4.495 hộ; Chương trình cho vay NSVSMTNT: Dư nợ: 225.544 triệu đồng, số hộ dư nợ 12.909 hộ; Chương trình cho vay học sinh, sinh viên (theo QĐ 157/2007/QĐ-TTg): Dư nợ: 14.669 triệu; số hộ dư nợ 526 hộ; Chương trình cho vay Xuất khẩu lao động: Dư nợ: 2.904 triệu; số hộ dư nợ 41 hộ; Chương trình cho vay giải quyết việc làm 95.564 triệu đồng, số hộ dư nợ 2.661 hộ; Chương trình cho vay phát triển kinh tế vùng DTTS và miền núi theo Quyết định số 1592/QĐ-TTg 165 triệu đồng, số hộ dư nợ 11 hộ; Chương trình cho vay theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg 28.816 triệu đồng, số hộ dư nợ 731 hộ; Các chương trình khác: 7.627 triệu đồng, với 76 hộ còn dư nợ.

truyền phổ biến các văn bản pháp luật, tư vấn, giải đáp trực tuyến cho nông dân. Hiện đã có hơn 4 triệu lượt người truy cập, đã đăng tải 110 tin bài, văn bản pháp luật và video lên Trang thông tin điện tử. Ngoài ra tư vấn, giải đáp thắc mắc về kỹ thuật nông nghiệp, dịch vụ nông nghiệp cho gần 200 lượt người trong đó 60 người dân tham gia tương tác là đồng bào dân tộc thiểu số chiếm 30% tỷ lệ.

c) Công tác Chăn nuôi, thú y: Chăn nuôi tiếp tục có những chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hoá với nhiều dự án đầu tư trang trại chăn nuôi quy mô lớn, áp dụng công nghệ hiện đại, quy trình sản xuất khép kín đã góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất, chất lượng sản phẩm chăn nuôi của tỉnh. Đến nay, tổng đàn gia súc, gia cầm trên địa bàn đạt 14.859.800 con, tăng 5,8 %; sản lượng thịt hơi các loại ước đạt 240.000 tấn, tăng 6,2% so với cùng kỳ năm 2021. Công tác phòng chống dịch bệnh trên gia súc, gia cầm được ngành Thú y và các địa phương tích cực thực hiện. Tuy nhiên, tình hình dịch tả lợn Châu Phi, Bệnh Viêm da nổi cục trên trâu, bò vẫn xảy ra một số địa bàn trong tỉnh

d) Chương trình nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn

Đối với chương trình nước sinh hoạt hợp vệ sinh cho đồng bào DTTS: Theo Quyết định số 1021/QĐ-UBND ngày 29/4/2022 của UBND tỉnh phê duyệt kết quả Bộ chỉ số theo dõi – đánh giá nước sạch nông thôn năm 2021: Tỷ lệ hộ đồng bào dân tộc thiểu số nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh (*bao gồm cả nước sạch*): đạt 93,55% (123.238/131.832 hộ), tăng 1,3% so với năm 2020. Trong đó, tỷ lệ hộ đồng bào dân tộc thiểu số sử dụng nước sạch đạt 12,48%, tăng 2,68% so với năm 2020; Số hộ đồng bào dân tộc thiểu số sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 81,07%. Kết quả thực hiện năm 2022 sẽ được UBND tỉnh phê duyệt vào Quý I/2023. Việc đánh giá các chỉ tiêu về nước sạch nông thôn được thực hiện mỗi năm một lần theo quy định tại Quyết định số 4826/QĐ-BNN-TCTL ngày 07/12/2018 của Bộ Nông nghiệp.

Hiện nay, tổng số hộ sử dụng nước từ các công trình là: 24.378 hộ, trong đó số hộ đồng bào dân tộc thiểu số sử dụng nước từ các công trình do Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn quản lý là: 7.227 hộ, chiếm 30% số hộ dùng nước sạch từ 38 công trình cấp nước tập trung tại 11 huyện, thị xã trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

e) Chương trình Bố trí, sắp xếp dân di cư tự do

- Tình hình dân di cư tự do: Trong năm 2022, di cư ngoại tỉnh đến có 15 hộ - 59 khẩu dân di cư tự do ngoại tỉnh đến Đắk Lắk thuộc 7 tỉnh gồm: Cao Bằng, Hà Giang, Thanh Hóa, Sơn La, Đắk Nông, Lâm Đồng, Thái Nguyên; di cư đến địa bàn 04 huyện: Lắk, Ea Súp, Krông Pắc, Cư M'gar. Trong đó, huyện Ea Súp có 09 hộ/51 khẩu, Lắk có 04 hộ/15 khẩu, Krông Pắc có 01 hộ/10 khẩu, Cư M'gar có 01 hộ/03 khẩu. Về thành phần dân tộc, dân tộc H'mông di cư đến chiếm tỷ lệ 100%; Di cư nội tỉnh: có 01 hộ/06khẩu người H'mông di cư từ huyện Lắk đến huyện Ea Súp; Rời khỏi: có 02 hộ/06 khẩu. Trong đó, có 01 hộ/04 khẩu ở huyện Ea Súp di cư đến tỉnh Bắc Kạn; 01 hộ/02 khẩu ở huyện Lắk di cư đến tỉnh Cao Bằng.

- Tình hình thực hiện các dự án bố trí dân di cư tự do:

+ Các dự án bố trí dân di cư tự do dở dang: Tổng số dự án bố trí dân di cư tự do (*Ủy ban nhân dân huyện làm chủ đầu tư*) được giao vốn thực hiện năm 2022 là

03/13 dự án, tổng mức vốn đầu tư phát triển giao 13.800 triệu đồng nguồn ngân sách địa phương; trong đó 02 dự án bố trí dân di cư tự do tại huyện Ea Súp được bố trí 1.800 triệu đồng. Dự án quy hoạch bố trí, sắp xếp dân di cư tự do và thực hiện định canh định cư cho ĐBDTTSTC tại các tiểu khu 1407, 1409, 1415 và 1388 xã Đăk Nuê, huyện Lắk được bố trí 12.000 triệu đồng, tuy nhiên, tại Quyết định số 1691/QĐ-UBND ngày 01/8/2022 của UBND tỉnh đã điều chỉnh giảm kinh phí này. Do đó, tổng kinh phí bố trí trong năm chỉ còn 02 dự án bố trí dân di cư tự do tại huyện Ea Súp với số tiền 1.800 triệu đồng.

+ Các dự án bố trí dân di cư tự do mở mới: Lũy kế vốn bố trí đến 31/8/2021 là 35.000 triệu đồng (nguồn dự phòng ngân sách Trung ương năm 2019). Đến nay đã giải ngân 3.647 triệu đồng, đạt tỷ lệ 10,4%.

g) Chương trình đầu tư xây dựng công trình thủy lợi

Trong năm 2022, đã rà soát các công trình thủy lợi có vùng đồng bào dân tộc thiểu số trong phạm vi phục vụ tưới tiêu trên địa bàn tỉnh, theo đó: Tổng số dự án thủy lợi là 79 dự án, bao gồm: Xây dựng mới; nâng cấp, sửa chữa các dự án/công trình/hạng mục công trình (*bao gồm các dự án/hạng mục công trình triển khai từ năm 2021 và các năm trước được chuyển tiếp sang năm 2022*) với tổng mức kinh phí đầu tư là: 5.451,345 tỷ đồng. Trong đó:

+ Vốn trái phiếu Chính phủ: 4.415,902 tỷ đồng.

+ Vốn ngân sách Trung ương: 685,388 tỷ đồng.

+ Vốn ngân sách tỉnh: 320,656 tỷ đồng.

+ Vốn ngân sách huyện: 29,400 tỷ đồng.

- Tính đến nay, đã cơ bản hoàn thành 40/79 công trình/hạng mục tổng vốn đầu tư là: 97,663 tỷ đồng.

h) Hoạt động xúc tiến thương mại và đầu tư

Trong năm 2022, ngành Công Thương đã triển khai thực hiện các chương trình xúc tiến thương mại, hỗ trợ cho các cơ sở công nghiệp nông thôn, HTX trong đó có các cơ sở của người đồng bào dân tộc thiểu số tham gia một số hội chợ triển lãm ngành hàng, sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, OCOP tại Festival Làng nghề truyền thống vùng miền lần thứ nhất tại Quảng Nam; Vĩnh Long, Châu Đốc - An Giang, Cao Lãnh - Đồng Tháp, Trà Vinh, Gia Lai. Đã thực hiện 14 đề án khuyến công hỗ trợ đổi mới máy móc thiết bị cho các cơ sở công nghiệp nông thôn.

Đối với hoạt động đầu tư cơ sở hạ tầng thương mại tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa chưa triển khai được do việc kêu gọi nguồn vốn xã hội hóa còn gặp nhiều khó khăn.

Đối với lĩnh vực điện năng: đã thực hiện xong giai đoạn 1 (2016-2020) của dự án cấp điện cho các thôn, buôn chưa có điện trên địa bàn tỉnh. Giai đoạn 2 (2021-2025) với hợp phần xây dựng hệ thống điện mặt trời cho các thôn buôn không thể kéo điện lưới được giao về Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh triển khai thực hiện.

2.3. Chính sách phát triển giáo dục và đào tạo

- Năm học 2022-2023, toàn tỉnh từ mầm non đến THPT có 1.011 trường, 15.524 lớp với 484.185 học sinh, trong đó có 168.285 học sinh DTTS (tỉ lệ 34,76%)⁹. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 02 trường THPT dân tộc nội trú (Trường phổ thông DTNT THPT Nơ Trang Long và phổ thông DTNT Tây Nguyên - trực thuộc Bộ Quốc Phòng) với 1.026 học sinh, 15 trường phổ thông dân tộc nội trú THCS cấp huyện với 2.692 học sinh; 01 trường PTDTBT cấp tiểu học (Trường Tiểu học Trần Quốc Toàn, huyện M'Đrăk với 412 học sinh, trong đó có 130 học sinh bán trú), 01 trường PTDTBT cấp tiểu học và trung học cơ sở (Trường Bùi Thị Xuân, huyện Krông Búk với 328 học sinh, trong đó có 288 học sinh bán trú); 03 trường PTDTBT cấp trung học cơ sở (Trường Phan Bội Châu, Trường Tô Hiệu và Trường Nguyễn Khuyến, huyện M'Đrăk với 1.296 học sinh, trong đó có 555 học sinh bán trú). Ngoài ra, toàn tỉnh có 18 trường phổ thông có học sinh bán trú với quy mô gần 5.000 học sinh.

- Việc thực hiện chế độ, chính sách đào tạo, phát triển nguồn nhân lực các DTTS trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo: Đảm bảo các chế độ phụ cấp, trợ cấp đối với giáo viên, đặc biệt là với cán bộ, giáo viên, nhân viên công tác tại vùng sâu, vùng xa, vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn¹⁰. Việc chi trả chế độ cho giáo viên dạy tiếng Êđê được thực hiện đầy đủ, kịp thời¹¹.

- Công tác thực hiện các chính sách hỗ trợ cho học sinh, sinh viên DTTS

+ Chính sách đối với các trường PTDTNT, PTDTBT, trường phổ thông có HSBT (bao gồm 3 cấp học: tiểu học, THCS và THPT) ở vùng ĐBDTTS&MN. Học sinh được cấp học bổng với mức 80% của mức lương cơ bản (15 trường PTDTNT cấp huyện, quy mô 160 học sinh/trường, 1 trường PTDTNT cấp THPT với quy mô 585 học sinh, đang triển khai xây mới trường PTDTNT THPT số 2 tại Buôn Hồ).

+ Thực hiện Quyết định số 85/2010/QĐ-TTg ngày 21 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ ban hành một số chính sách hỗ trợ học sinh bán trú và trường phổ thông dân tộc bán trú: Hiện tại tỉnh Đắk Lắk có 6 trường PTDT bán trú gần 3.000 học sinh, mức hưởng bằng 40% mức lương cơ bản, hàng năm cấp chế độ cho học sinh khoảng 30 tỷ đồng.

+ Học sinh bán trú theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP của Chính phủ: ngoài 6 trường PTDT bán trú, toàn tỉnh có hơn 18 trường phổ thông có tổ chức bán trú cho học sinh theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP hỗ trợ tiền ăn, tiền nhà ở gần 99 tỷ đồng/năm.

⁹ Mầm non: có 89.400 trẻ, trong đó có 35.068 trẻ DTTS; Tiểu học: có 199.724 học sinh, trong đó có 82.719 học sinh DTTS; THCS: có 132.336 học sinh, trong đó có 47.208 học sinh DTTS; THPT: có 62.720 học sinh, trong đó có 13.729 học sinh DTTS; GDTX: có 5.735 học viên

¹⁰Phụ cấp ưu đãi, phụ cấp trách nhiệm, phụ cấp chức vụ, phụ cấp khu vực, phụ cấp thu hút, phụ cấp lâu năm... theo Nghị định 61/2006/NĐ-CP, Nghị định số 19/2013/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách đối với nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục công tác ở trường chuyên biệt, ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và Nghị định số 116/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

¹¹ Theo Nghị định số 82/2010/NĐ-CP ngày 15/7/2010 Quy định việc dạy và học tiếng nói, chữ viết của DTTS trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên, hướng dẫn của Thông tư liên tịch số 50/2011/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 03/11/2011.

- Việc thực hiện đưa tiếng nói, chữ viết và truyền thống văn hóa tốt đẹp của các dân tộc vào chương trình giảng dạy: Hiện nay, toàn tỉnh có 97 trường tiểu học, 14 trường THCS dạy học tiếng Ê đê; 136 giáo viên dạy tiếng Ê đê, trong đó có 120 giáo viên cấp Tiểu học và 16 giáo viên cấp THCS PTDTNT. Hàng năm, đội ngũ giáo viên dạy tiếng Ê đê được bồi dưỡng chuyên môn và nghiệp vụ thường xuyên như các giáo viên phổ thông, bên cạnh đó còn được bồi dưỡng chuyên sâu về nội dung giáo dục học sinh dân tộc

2.4. Chính sách cán bộ người dân tộc thiểu số

Năm 2022, việc thực hiện các chính sách về quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số luôn được các cơ quan, đơn vị quan tâm triển khai thực hiện. Việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, điều động cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Việc bố trí sắp xếp và sử dụng cán bộ dân tộc thiểu số trên cơ sở công tác quy hoạch cán bộ, các cấp ủy đảng đã chú trọng bố trí cán bộ phù hợp với trình độ chuyên môn, chuyên ngành đào tạo nhằm phát huy có hiệu quả đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số trong giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Về tuyển dụng công chức, viên chức trong năm 2022 tỉnh đã phê duyệt kết quả trúng tuyển 980 viên chức trong đó 189 trường hợp là người dân tộc thiểu số vào làm việc tại các đơn vị sự nghiệp. Tuyển dụng công chức đối với người được cử đi học theo chế độ cử tuyển sau khi thi tốt nghiệp 29 trường hợp, trong đó trúng tuyển 16 trường hợp.

Về đào tạo, bồi dưỡng năm 2022 cử đi ôn tập và dự thi sau đại học cho 13 công chức, viên chức trong đó 02 viên chức là người dân tộc thiểu số; Cử đi học sau đại học cho 34 công chức, viên chức trong đó 03 viên chức là người dân tộc thiểu số; Tổ chức 04 lớp bồi dưỡng với 171 cán bộ, công chức, viên chức trong đó có 14 là người dân tộc thiểu số.

2.5. Chính sách đối với người có uy tín

Các cấp ủy đảng, chính quyền đã thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo đối với Mặt trận, các tổ chức chính trị - xã hội và các ngành liên quan trong việc xây dựng và phát huy vai trò của người có uy tín trên địa bàn; quan tâm và duy trì thường xuyên việc bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho người có uy tín; gặp mặt, biểu dương, khen thưởng kịp thời cho người có uy tín có thành tích xuất sắc trong hoạt động; thăm hỏi kịp thời khi ốm đau, hoạn nạn; tổ chức các đoàn người có uy tín tham quan, trao đổi, học tập kinh nghiệm trong và ngoài tỉnh; khích lệ động viên kịp thời để người uy tín tiếp tục phát huy vai trò, trách nhiệm và tâm huyết của mình trong công tác. Năm 2022, các huyện, thị xã, thành phố cũng tổ chức thăm hỏi, tặng quà cho người có uy tín nhân dịp Tết Nguyên đán; tổ chức khen thưởng, thăm hỏi, hỗ trợ vật chất, động viên tinh thần đối với người có uy tín và thân nhân của người có uy tín với kinh phí thực hiện hơn 800 triệu đồng.

2.6. Chính sách bảo tồn và phát huy văn hóa

Công tác quản lý nhà nước về văn hóa, thể thao, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc được tỉnh quan tâm thực hiện. Ngành Văn hóa, Thể thao và Du

lịch tập trung triển khai thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm ngay từ đầu năm¹², cùng các đơn vị liên quan tổ chức nhiều hoạt động tuyên truyền, giao lưu văn hóa, văn nghệ, thể thao, kỷ niệm các ngày lễ lớn, các sự kiện chính trị quan trọng của tỉnh, của đất nước trong năm 2022, đặc biệt là thông tin, tuyên truyền về xây dựng và phát triển thành phố Buôn Ma Thuột đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, tuyên truyền phòng, chống dịch bệnh COVID-19, Chương trình phục hồi kinh tế, tình hình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn... Tổ chức thành công Liên hoan Âm nhạc toàn quốc tại thành phố Buôn Ma Thuột, Liên hoan Ca Múa Nhạc toàn quốc 2022; phối hợp tổ chức Lễ hội Đêm trắng Ban Mê vào lễ Quốc khánh 2/9, Hỗ trợ Đoàn Nghệ sĩ của tỉnh Jeollabuk, Hàn Quốc ghi hình làm phim tư liệu về văn hóa công chiêng trên địa bàn tỉnh; tổ chức lễ ký bản ghi nhớ thực hiện dự án bảo tồn văn hóa công chiêng, các văn bản triển khai thực hiện dự án do Trung tâm Hợp tác Quốc tế tỉnh Jeollabuk (JBCIA) viện trợ. UBND tỉnh đã phê duyệt Đề án tổ chức Lễ hội cà phê Buôn Ma Thuột lần thứ 8 - năm 2023 và các văn bản liên quan đến công tác triển khai tổ chức thực hiện đề án; Tham gia trưng bày Triển lãm "Nhạc cụ truyền thống các dân tộc Việt Nam" tại thành phố Cần Thơ; Các hoạt động trong khuôn khổ các hoạt động “Ngày Văn hoá các dân tộc Việt Nam” năm 2022 tại Làng Văn hoá - Du lịch các dân tộc Việt Nam; Cử 02 nghệ nhân ưu tú người Êđê, 10 nghệ nhân dân tộc Jrai tham dự buổi gặp gỡ Lãnh đạo Đảng, Nhà nước với các nghệ nhân ưu tú, người có uy tín “hoạt động tôn vinh chủ thể văn hóa có nhiều đóng góp trong hoạt động bảo tồn gìn giữ, phát huy truyền thống văn hóa các dân tộc”; Phục dựng Lễ kết nghĩa anh em của dân tộc Êđê tại huyện Cư M’Gar và Lễ kết nghĩa anh em của dân tộc M’nông tại huyện Lắk, tổ chức Liên hoan Văn hóa công chiêng tỉnh Đắk Lắk, lần thứ II năm 2022 theo đúng Kế hoạch số 1700/KH-VHTTDL ngày 30/8/2022 đề ra¹³..

2.7. Chính sách phát triển thể dục, thể thao vùng dân tộc thiểu số

Công tác bảo tồn, phát huy các môn thể thao truyền thống luôn được quan tâm, chú trọng đầu tư để phát triển. Tỉnh đã tổ chức thành công Hội thi thể thao các Dân tộc thiểu số tỉnh Đắk Lắk lần thứ XVII - năm 2022; Tham gia Hội thi thể thao các dân tộc thiểu số toàn quốc lần thứ XII, khu vực II tại tỉnh Quảng Ngãi, kết quả đạt 33 huy chương các loại, gồm 25 Huy chương Vàng, 5 Huy chương Bạc, 3 Huy chương Đồng, xếp vị trí nhất toàn đoàn...

2.8. Chính sách phát triển du lịch vùng dân tộc thiểu số

¹² Ban hành Kế hoạch số 37/KH-UBND ngày 18/02/2022 về triển khai thực hiện Nghị quyết số 10/2021/NQ-HĐND ngày 17/12/2021 của HĐND tỉnh về bảo tồn và phát huy văn hóa công chiêng tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2022-2025, Kế hoạch số 46/KH-UBND ngày 01/3/2022 về bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2022-2025, Kế hoạch số 126/KH-UBND ngày 23/6/2022 về triển khai Chương trình số hóa Di sản văn hóa Việt Nam trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021-2030...

¹³ Có 15/15 huyện, thành phố tham gia, trong đó 12/15 đoàn đã tham gia đầy đủ các nội dung như trình diễn tấu chiêng truyền thống, các nhạc cụ dân tộc kết hợp với công chiêng, dân ca, dân vũ, trình diễn nghi lễ. - Kết thúc Liên hoan Ban tổ chức đã trao các giải: Giải phụ gồm các nội dung: Đội nghệ nhân trẻ xuất sắc; đội Nghệ nhân lớn tuổi xuất sắc và Đoàn có tiết mục trình diễn nghi lễ ấn tượng nhất. Giải tiết mục xuất sắc cho các nội dung tham gia Liên hoan gồm: 05 Giải A, 10 Giải B: 12 Giải C. Cờ và Giải Toàn đoàn: 01 Giải Nhất, 02 Giải Nhì và 02 Giải ba. Chương trình tham gia Liên hoan của các đoàn đã có sự chuẩn bị chu đáo, công phu, đặc sắc, tôn vinh nét đẹp văn hóa truyền thống của các dân tộc.

Để thu hút đầu tư phát triển du lịch cộng đồng, UBND tỉnh ban hành Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của HĐND tỉnh về hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng tại các thôn, buôn đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021 - 2025. Qua đó tạo hành lang pháp lý cho việc thực hiện hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng, góp phần bảo tồn văn hóa, phát huy các giá trị truyền thống, nâng cao nhận thức và hành động của cộng đồng trong việc gìn giữ và bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch; chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng tăng tỉ trọng dịch vụ, du lịch; tạo điều kiện thuận lợi hỗ trợ các hộ dân tham gia phát triển du lịch cộng đồng; tăng thu nhập, tạo sản phẩm du lịch mới và góp phần đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, thực hiện thành công Chương trình số 15-CTr/TU ngày 13/7/2017 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (Khóa XVI) thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.

2.9. Chính sách y tế, dân số

Công tác chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh cho đồng bào DTTS được chú trọng, công tác vệ sinh phòng dịch đã được triển khai kịp thời, có hiệu quả. Các chỉ số cơ bản về sức khỏe của người DTTS đã cải thiện theo chiều hướng tích cực: Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng (cân nặng theo độ tuổi) giảm còn 18% (KH: 18%), số giường bệnh/vạn dân đạt 28 giường/vạn dân (KH: 28 giường/vạn dân), số bác sỹ/vạn dân đạt 7,15 bác sỹ/vạn dân (KH: 7,15 bác sỹ/vạn dân). Tỷ lệ bao phủ BHYT đạt 91,75% (KH: >91%)

2.10. Chính sách thông tin - truyền thông

Tỉnh đã tập trung chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương và ngành thông tin - truyền thông chú trọng đẩy mạnh chuyển đổi số, xây dựng, phát triển kinh tế số, xã hội số trên địa bàn theo Nghị quyết số 04-NQ/TU của Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021 - 2025. Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Các hệ thống thông tin đổi mới lề lối phương thức làm việc phục vụ công tác chỉ đạo điều hành, phục vụ người dân và doanh nghiệp; Hệ thống quản lý văn bản và điều hành (iDesk) triển khai tới 100% cơ quan hành chính nhà nước ở cả 3 cấp tỉnh, huyện, xã. Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh được triển khai đồng bộ, thống nhất trên toàn tỉnh¹⁴. Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh đã kết nối với Cổng Dịch vụ công Quốc gia và tích hợp, đồng bộ dữ liệu với 1.561 TTHC, trong đó đã tích hợp 1.033 DVCTT trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia phục vụ nhu cầu giải quyết TTHC của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh. Ngoài ra, Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh đã tích hợp, cung cấp dịch vụ công trực tuyến của Công an tỉnh, Bảo hiểm xã hội, Điện lực Đắk Lắk.

Hiện nay, hạ tầng mạng lưới bưu chính và chuyển phát của tỉnh có tổng số 479 điểm tăng 252 điểm so với năm 2021, phục vụ trải rộng từ thành thị đến vùng

¹⁴ Đến 218 cơ quan, đơn vị (trong đó có 19 sở, ngành; 15 huyện, thành phố; 184 xã, phường, thị trấn); cung cấp 1.674 DVCTT, trong đó có 612 DVCTT mức độ 2, 407 DVCTT mức độ 3 và 655 DVCTT mức độ 4.

sâu, vùng xa, vùng gần biên giới, vùng đồng bào DTTS; Trong đó có 186 bưu cục, 133 đại lý, 158 điểm Bưu điện - Văn hóa xã và 85 điểm giao dịch hoạt động theo hình thức khác. Về mạng đường thư: Bưu điện tỉnh Đắk Lắk 189 tuyến đường thư, trong đó gồm 11 tuyến cấp I, 8 tuyến cấp II và 170 tuyến cấp III; các doanh nghiệp khác không phân tuyến đường thư, tuyến phát

Hệ thống phát thanh truyền hình 4 cấp của tỉnh phủ sóng hầu hết đến các địa bàn dân cư của tỉnh bao gồm cả vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào DTTS, gồm 02 Trung tâm tiếp phát sóng đài Trung ương, 01 đài phát thanh - truyền hình cấp tỉnh, 15 đài truyền thanh, truyền thanh - truyền hình cấp huyện và 184 đài truyền thanh cơ sở với 203 máy phát thanh, truyền hình (trong đó, có 01 máy phát hình kỹ thuật số mặt đất và 202 máy phát thanh).

Mạng lưới viễn thông đã được đầu tư, phát triển rộng khắp đến các khu vực trên địa bàn tỉnh. Đến nay, 100% xã, phường, thị trấn trong tỉnh đã được kết nối cáp quang đến trung tâm; phủ sóng điện thoại 2G, 3G, 4G đến thôn, buôn; tỷ lệ người dân sử dụng Internet là hơn 60%; tỷ lệ dân số có smartphone là 57,07%. Các cơ sở giáo dục đã ứng dụng phần mềm quản lý trường vào dạy và học; các trạm y tế cấp xã đã triển khai ứng dụng quản lý thông tin y tế; xây dựng hệ thống khám chữa bệnh từ xa; lập hồ sơ sức khỏe điện tử. Tỷ lệ người dân được tiếp cận, hướng dẫn, đào tạo và sử dụng bình đẳng các dịch vụ thiết yếu (chính quyền số, y tế, giáo dục, thông tin, thương mại điện tử, khoa học công nghệ, tài nguyên môi trường) ngày một tăng.

Toàn tỉnh đã thành lập 1.163 tổ Công nghệ số cộng đồng, với 7.228 thành viên để hướng dẫn người dân, doanh nghiệp sử dụng các nền tảng số thiết yếu phục vụ người dân và doanh nghiệp.

2.11. Chính sách phổ biến, giáo dục pháp luật và trợ giúp pháp lý

- Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật

Trong năm 2022, Sở Tư pháp đã phối hợp với Vụ Pháp luật dân sự - kinh tế (Bộ Tư pháp) và Dự án EU JULE (Dự án Tăng cường pháp luật và tư pháp tại Việt Nam) và UNDP (Chương trình Phát triển Liên Hợp quốc) tổ chức Hội nghị tập huấn về “Quyền nhân thân và quyền tài sản của phụ nữ và trẻ em dân tộc thiểu số” nhằm góp phần nâng cao kiến thức pháp lý, kỹ năng tập huấn, tuyên truyền về quyền nhân thân, quyền tài sản của phụ nữ, trẻ em dân tộc thiểu số cho các báo cáo viên, tuyên truyền viên nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng tuyên truyền pháp luật về quyền nhân thân và tài sản cho nhóm đối tượng phụ nữ, trẻ em tại cơ sở, cộng đồng; phối hợp với Ban Dân tộc bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng hoà giải cho đội ngũ người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số; phối hợp với một số địa phương tổ chức tập huấn nghiệp vụ công nhận xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và tổ chức tập huấn công tác chuẩn tiếp cận pháp luật cho khoảng 200 công chức làm công tác này ở cấp huyện và cấp xã.

- Công tác trợ giúp pháp lý miễn phí cho nhân dân

Hoạt động TGPL tiếp tục được nâng cao về chất lượng, thu hút đông đảo cá nhân, tổ chức đăng ký tham gia TGPL, kịp thời bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp

của các đối tượng thụ hưởng TGPL, nhất là người nghèo, người có công với cách mạng, đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Từ đầu năm 2022 đến nay, Trung tâm TGPL của tỉnh đã thụ lý và thực hiện 789 vụ việc TGPL cho 789 lượt người, tăng 9,7% so với năm 2021 (*789 vụ việc năm 2022 so với 719 vụ việc năm 2021*), trong đó, số vụ việc TGPL cho người dân tộc thiểu số là 154 vụ việc (*chiếm 19,5%*).

Ngành Tư pháp đã cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí 209 vụ việc, trong đó có 25 lượt người nghèo, 91 lượt người DTTS; thực hiện 02 đợt truyền thông về trợ giúp pháp lý ở cơ sở tại 02 xã, trong đó tập trung tại các xã, thôn buôn đặc biệt khó khăn, xã có tỷ lệ hộ nghèo cao, xã biên giới trên địa bàn tỉnh, với hơn 200 người tham dự, đã tư vấn trực tiếp 02 vụ việc cho người nghèo và người DTTS. Tổng kinh phí thực hiện là 810 triệu đồng.

2.12. Chính sách bảo vệ môi trường, sinh thái

Lồng ghép vấn đề môi trường vào trong sản xuất nông nghiệp và các tiêu chí xây dựng nông thôn mới ở tất cả các lĩnh vực. Thực hiện chuyển đổi mô hình sản xuất, thay đổi hành vi, lối sống để giảm thiểu tác động đến môi trường và từng bước nâng cao chất lượng môi trường vùng DTTS. Thực hiện các chính sách ưu đãi, khuyến khích phát triển các loại hình sản xuất sạch, ít gây ô nhiễm môi trường; ưu tiên phát triển và sử dụng các sản phẩm xanh, thân thiện với môi trường; phát triển du lịch trải nghiệm ở nông thôn.

Việc thực hiện các dự án, chính sách đối với đồng bào DTTS phần nào sẽ có những tác động đến môi trường sinh thái, vì vậy, cần có những biện pháp lồng ghép vấn đề môi trường vào tất cả các ngành, các lĩnh vực (từ quy hoạch, xây dựng, đến văn hóa, giáo dục, thông tin truyền thông,...) để huy động sức mạnh tổng thể cho bảo vệ môi trường. Bảo vệ môi trường nông thôn cần gắn với chuyển đổi lối sống của người dân và thay đổi trong sản xuất nông nghiệp. Đồng thời phải giảm thiểu các tác động xấu, các hành vi phát thải, từ đó, khuyến khích, nhân rộng các giải pháp nâng cao chất lượng môi trường.

2.13. Chính sách quốc phòng, an ninh

Cấp ủy, chính quyền và lực lượng vũ trang các cấp trong tỉnh đã chủ động nắm tình hình, phòng ngừa, đấu tranh có hiệu quả với các đối tượng phản động, chống đối; duy trì nghiêm chế độ sẵn sàng chiến đấu; phối hợp theo dõi nắm chắc tình hình biên giới, vùng trời, nội địa, ngoại biên, không gian mạng gắn với nhiệm vụ phòng, chống dịch COVID-19; đấu tranh, ngăn chặn thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch và bọn phản động, giữ vững an ninh chính trị trên địa bàn. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân vững chắc. Hoàn thành diễn tập khu vực phòng thủ cấp huyện tại 6/6 huyện và diễn tập chiến đấu cấp xã trong khu vực phòng thủ tại 63/63 xã đúng kế hoạch, kết quả tốt. Tuyển quân đạt 100% chỉ tiêu; tổ chức bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho các đối tượng chặt chẽ. Xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ; xây dựng các tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh, đơn vị vững mạnh toàn diện “Mẫu mực, tiêu biểu”. Triển khai Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 10/5/2012 của

Bộ Chính trị về Đẩy mạnh xây dựng lực lượng CAND thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; đấu tranh, bóc gỡ, xử lý hình sự 01 đối tượng tham gia họp, tập huấn trực tuyến trên không gian mạng; phối hợp giải quyết ổn định 13 vụ tranh chấp, khiếu kiện (có 09 vụ phức tạp, kéo dài); triển khai quyết liệt Đề án 06 của Chính phủ, gắn với tiếp tục triển khai hiệu quả dự án Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và dự án sản xuất, cấp và quản lý căn cước công dân.

Thực hiện đấu tranh, ngăn chặn, xử lý nghiêm các loại tội phạm, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội; mở đợt cao điểm tấn công trấn áp tội phạm, bảo đảm an ninh; đồng thời, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về trật tự an toàn giao thông tại các địa bàn; tăng cường tuần tra kiểm soát, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm, góp phần kiểm giảm tai nạn giao thông. Do đó, tình hình an ninh trật tự trên các lĩnh vực cơ bản được đảm bảo, các loại tội phạm và vi phạm pháp luật về kinh tế, ma túy được trấn áp và kiểm giảm, tai nạn giao thông giảm cả 3 tiêu chí.

Bên cạnh những kết quả nổi bật, vẫn còn những tồn tại, hạn chế là: Công tác nắm tình hình, quản lý địa bàn, đối tượng ở một số đơn vị, Công an cấp huyện chưa thật sự chủ động; Tình trạng người DTTS vượt biên, xuất cảnh trái phép chưa được ngăn chặn, kiểm soát kịp thời; Công tác phối hợp tổ chức triển khai kế hoạch trình sát nghiệp vụ đối với một số đoàn lâm thời, trọng điểm chưa đồng bộ, chặt chẽ; Việc triển khai các biện pháp nghiệp vụ đấu tranh, xử lý các tổ chức, hội nhóm, đối tượng hoạt động chống phá trên không gian mạng chưa hiệu quả; Công tác phối hợp tham mưu giải quyết một số vụ tranh chấp, khiếu kiện chưa thật sự quyết liệt, để người khiếu kiện lôi kéo, tập trung đông người, cản trở các hoạt động cưỡng chế, thi hành án. Một số đơn vị cấp huyện triển khai thực hiện Đề án đẩy mạnh ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030 còn chưa quyết liệt, công tác tuyên truyền chưa hiệu quả, tỷ lệ làm sạch thông tin dân cư, cấp CCCD và tài khoản định danh điện tử đạt thấp.

3. Đánh giá chung

3.1. Kết quả nổi bật đã đạt được

Được sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh; sự phối hợp chặt chẽ giữa các Sở, ban ngành, địa phương; sự cố gắng nỗ lực của cả hệ thống cơ quan công tác dân tộc, công tác dân tộc đã đạt được những khả quan, góp phần quan trọng trong việc ổn định kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, khôi đại đoàn kết các dân tộc ngày càng được tăng cường, đồng bào các dân tộc tin tưởng và chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước.

Bên cạnh các chính sách dân tộc tiếp tục được triển khai trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số như: Chính sách đối với người có uy tín theo Quyết định số 12/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; Đề án "Hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới vùng DTTS giai đoạn 2018 - 2025" theo Quyết định số 1898/QĐ-TTg ngày 28/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ, Đề án "Tăng cường ứng dụng CNTT hỗ trợ

đồng bào DTTS phát triển KTXH và bảo đảm ANTT vùng đồng bào DTTS Việt Nam giai đoạn 2019 - 2025" theo Quyết định số 414/QĐ-TTg ngày 12/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ... Công tác tham mưu triển khai thực hiện Chương trình MTQG 1719 được tập trung thực hiện, Ban Dân tộc đã phối hợp với các Sở, ban ngành xây dựng, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh cho ý kiến về chỉ tiêu, kế hoạch vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình giai đoạn 2021 - 2025 và năm 2022; bên cạnh đó, các đơn vị, địa phương cũng đang tích cực hoàn tất các thủ tục đầu tư và triển khai thực hiện giải ngân theo quy định.

2. Tồn tại, hạn chế

Tình hình dịch bệnh Covid -19 diễn biến phức tạp trong năm 2021 và những tháng đầu năm 2022 cùng với sự bất lợi về thiên tai, lũ lụt,... giá cả các mặt hàng chủ lực của tỉnh thường xuyên biến động đã tác động đến các hoạt động kinh tế - xã hội của người dân nói chung và người dân vùng dân tộc thiểu số và miền núi nói riêng.

Chương trình MTQG 1719 đầu tư tổng thể cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi với quy mô lớn, gồm nhiều dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần; nhiều cơ quan, đơn vị tham gia quản lý. Việc ban hành các văn bản quy định, Thông tư hướng dẫn Chương trình ở Trung ương chậm hơn so với kế hoạch; một số quy định về cơ chế thực hiện Chương trình phải được HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy phạm pháp luật, UBND tỉnh ban hành Quyết định quy định cụ thể về quản lý đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù, cơ chế quay vòng một phần vốn... ảnh hưởng đến tiến độ triển khai, tổ chức thực hiện Chương trình của tỉnh. Thời gian thực hiện kế hoạch vốn năm 2022 không còn nhiều, trong khi đó nguồn vốn đầu tư phát triển Chương trình MTQG 1719 một số dự án chưa được phân bổ; cơ chế quản lý, sử dụng nguồn vốn sự nghiệp của Chương trình MTQG 1719 còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân vốn.

IV. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CÔNG TÁC DÂN TỘC NĂM 2023

1. Nhiệm vụ trọng tâm công tác dân tộc năm 2023

- Chủ động nắm tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và đời sống, sản xuất tại vùng đồng bào DTTS; kịp thời tham mưu giải quyết tốt các vấn đề phát sinh, giảm tranh chấp, khiếu kiện nhằm ổn định vùng đồng bào DTTS. Chú trọng tuyên truyền, vận động đồng bào DTTS về các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước, nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật của đồng bào DTTS, phát huy nội lực và tinh thần vượt khó, hạn chế tâm lý ỷ lại, trông chờ vào đầu tư hỗ trợ của nhà nước

- Chỉ đạo Sở, ban, ngành địa phương thực hiện các chương trình, chính sách dân tộc phấn đấu hoàn thành 100% kế hoạch.

- Tổ chức thăm hỏi, động viên tinh thần người có uy tín trong đồng bào DTTS, hộ đồng bào DTTS gặp khó khăn do hậu quả thiên tai, tai nạn lao động trên địa bàn tỉnh.

- Kịp thời động viên, biểu dương những cách làm hay, mô hình có hiệu quả

trong thực hiện chính sách dân tộc, tấm gương người DTTS có thành tích xuất sắc, tiêu biểu trên các lĩnh vực văn hóa, kinh tế, xã hội.

- Tiếp tục đổi mới, sắp xếp và nâng cao chất lượng hoạt động bộ máy quản lý nhà nước về công tác dân tộc các cấp; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực vùng DTTS, nhất là đội ngũ cán bộ trực tiếp triển khai thực hiện chính sách dân tộc.

- Kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện các chương trình, dự án, chính sách dân tộc ở cơ sở để kịp thời tháo gỡ vướng mắc, khắc phục những hạn chế yếu kém, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chính sách dân tộc.

- Thực hiện tốt công tác tiếp dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền.

2. Giải pháp thực hiện

- Tiếp tục đẩy mạnh triển khai thực hiện có hiệu quả công tác dân tộc trong tình hình mới, nhất là vùng đồng bào DTTS và miền núi, trọng tâm là Nghị quyết số 24-NQ/TW, ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc; Kết luận số 65-KL/TW, ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về việc “Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc trong tình hình mới”; Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về công tác dân tộc. Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ ban hành Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045; Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 23/6/2021 của Ban Bí thư về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030”.

- Cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị xã hội từ tỉnh đến cơ sở đẩy mạnh việc quán triệt, tuyên truyền để cán bộ, nhân dân hiểu rõ vai trò, vị trí công tác dân tộc và chính sách dân tộc, để từ đó nhận thức đầy đủ các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và chủ động triển khai thực hiện hiệu quả chính sách dân tộc trong tình hình mới.

- Huy động, lồng ghép nhiều nguồn lực cho đầu tư phát triển hạ tầng trong vùng đồng bào DTTS, hỗ trợ cho các hộ đồng bào DTTS còn nhiều khó khăn; trong đó ưu tiên đầu tư cho công tác giảm nghèo, phát triển nhanh kinh tế - xã hội, giải quyết những khó khăn bức xúc của đồng bào.

- Xây dựng, phổ biến và nhân rộng nhiều mô hình sản xuất có hiệu quả tại buôn, thôn vùng đồng bào DTTS; Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ nhằm tăng năng suất, hiệu quả sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân.

- Khuyến khích các doanh nghiệp từng bước đầu tư, xây dựng mô hình du lịch cộng đồng gắn với việc bảo tồn và phát triển các buôn đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát trong quá trình thực hiện, nhằm đảm bảo thực hiện đầy đủ, kịp thời và nâng cao hiệu quả các chương trình, chính sách của Đảng, nhà nước đầu tư cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, không để xảy ra tiêu cực, lãng phí.

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

- Đề nghị các Bộ, ngành Trung ương sớm xây dựng, ban hành đầy đủ, đồng bộ các văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện các Chương trình, dự án về lĩnh vực công tác dân tộc và chính sách dân tộc để địa phương có cơ sở áp dụng, xây dựng cơ chế, chính sách của địa phương.

- Đề nghị Ủy ban Dân tộc sớm ban hành Quyết định điều chỉnh, bổ sung đối với 83 thôn, buôn đạt tiêu chí thôn, buôn đặc biệt khó khăn sau khi chia tách, sáp nhập, giải thể hoặc đổi tên để tỉnh có cơ sở áp dụng, triển khai thực hiện.

Trên đây là Báo cáo tổng kết công tác dân tộc, thực hiện chính sách dân tộc năm 2022 và nhiệm vụ trọng tâm năm 2023 trên địa bàn tỉnh; Ủy ban nhân tỉnh Đắk Lắk báo cáo Ủy ban Dân tộc theo quy định./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Dân tộc;
 - Thường trực Tỉnh ủy;
 - Thường trực HĐND tỉnh;
 - CT, các PCT UBND tỉnh;
 - Ủy ban MTTQVN tỉnh;
 - Các Sở, ban, ngành;
 - CVP, các PCVP UBND tỉnh;
 - UBND các huyện, thị xã, thành phố;
 - Các phòng: NC, TH, KT;
 - Trung tâm CN&CTTĐT tỉnh;
 - Lưu: VT, NC (V.k. 05).
- } (để báo cáo)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Võ Văn Cảnh